

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HS-ST

Ngày : 02.02.2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa;

2. Ông Huỳnh Hồng Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Tố Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **PHẠM HỒNG T4** - sinh năm 1973 tại Hà Nam; nơi đăng ký thường trú: B15B Khu tập thể K, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội; nơi ở hiện tại: 19.08 Chung cư T, Số A P, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T (đã chết) và bà Đặng Thị L (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1979; con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 18/9/1995, Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 411/HSST.

- Ngày 08/11/1995, Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 504/HSST, tổng hợp hình phạt 20 tháng tù tại Bản án 411, tổng cộng phải thi hành 28 tháng tù. Đóng án phí ngày 08/11/1995, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/3/1997.

- Ngày 27/10/1998, Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xử phạt 48

tháng tù về tội ‘Cố ý gây thương tích’ theo Bản án số 485/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2000.

- Ngày 29/10/2001, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 20 tháng tù về tội Đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc theo Bản án số 391/HSPT.

- Ngày 18/4/2002, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hà Nội xử phạt 32 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 38/HSST; tổng hợp hình phạt 20 tháng tù của Bản án số 391/HSPT ngày 29/10/2001 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, tổng cộng là 52 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/11/2005.

- Ngày 29/3/2012, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 10 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 180/HSST, bị cáo kháng cáo. Ngày 07/8/2012, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 431/HSPT, đóng án phí ngày 29/3/2012 và ngày 26/11/2012, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/03/2017.

- Ngày 08/3/2019, Ủy ban nhân dân Phường A, quận T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPVPHC về hành vi “vi phạm cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ”, quy định tại Điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, mức phạt là 2.500.000 đồng, đóng phạt ngày 11/4/2019.

Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 18/7/2023 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. VŨ ĐỨC T5 - sinh năm 1982 tại Nam Định; nơi đăng ký thường trú: 1 đường T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện tại: Nhà trọ số B đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Đức T1 (đã chết) và bà: Vũ Thị T2, sinh năm 1957; vợ: Phùng Thị T3, sinh năm 1980; con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 29/5/2003, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 117/HSST.

- Ngày 05/6/2008, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 172/HSST. Đóng án phí ngày 18/9/2009, xong nghĩa vụ nộp phạt ngày 25/8/2014, chấp hành xong hình phạt ngày 25/6/2015.

- Ngày 08/3/2018 Ủy ban nhân dân Phường A, quận T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 0031801/QĐ-XPVPHC về hành vi: xâm hại sức khỏe của người khác quy định tại Điểm 3 khoản 3 Điều 5 Nghị định

167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, mức phạt là 2.500.000 đồng, đóng phạt ngày 14/4/2020.

- Ngày 14/8/2019, Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 256/QĐ-TA tại Cơ sở cai nghiện bắt buộc 01 năm 06 tháng, chấp hành xong ngày 30/11/2020.

Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 18/7/2023 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 8 đường P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. *(vắng mặt)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 19.08 Chung cư T, Số A P, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

2. **Vũ Đức D1**, sinh năm 2001

Địa chỉ: 2 đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/6/2023, Phạm Hồng T4 cho bà Nguyễn Thị L1 vay số tiền 50.000.000 đồng, trả góp trong thời gian 30 ngày, mỗi ngày góp số tiền 2.000.000 đồng, bà L1 trả trước cho T4 tiền vay là 5.000.000 đồng và số tiền góp trước của 02 ngày là 4.000.000 đồng, số tiền bà L1 thực nhận là 41.000.000 đồng. Sau đó, bà L1 góp được 06 ngày là 12.000.000 đồng thì không còn khả năng trả số tiền còn lại là 44.000.000 đồng. Nhiều lần liên hệ yêu cầu góp tiền nhưng bà L1 không thực hiện, T4 rủ Vũ Đức T5 đến nhà bà L1 tại địa chỉ số H đường P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vài lần yêu cầu bà L1 trả nợ nhưng bà L1 không có tiền trả. Do nhiều lần đến nhà tìm bà L1 vào ban ngày nhưng không gặp, đến ngày 07/7/2023, T4 rủ T5 đến nhà bà L1 vào ban đêm, hẹn gặp T5 tại địa chỉ trước nhà số F đường A, Phường A, quận T vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 08/07/2023, T5 đồng ý. T4 hứa sẽ cho tiền nếu đòi được nợ của bà L1, ngoài ra T5 muốn giúp T4 đòi được nợ vì T4 thường xuyên giúp đỡ cho T5 vì hoàn cảnh của T5 khó khăn, bị nhiễm HIV, T5 nảy sinh ý định “tạt sơn và chất bẩn vào nhà bà L1 để nhằm mục đích đe dọa, uy hiếp về tinh thần gây áp lực buộc bà L1 phải trả nợ cho T4”. T5 thông báo cho T4 để T4 thuê một chiếc xe ô tô bán tải để T5 cất giấu 02 xô nhựa chứa sơn và chất bẩn. Thông qua mạng xã hội, T4 thuê một xe ô tô bán tải có tài xế lái với giá 1.000.000 đồng. T5

khởi xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 18B2-739.71 đến ngã tư A rủ một người quen tên T6 (chưa rõ nhân thân lai lịch) đi cùng, đưa cho T6 1.000.000 đồng mua sơn và chất bẩn. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 08/7/2023, T5 chở T6 cùng với 02 xô nhựa có chứa sơn và chất bẩn bên trong đến điểm hẹn thì nhìn thấy T4 điều khiển xe gắn máy hiệu Honda SH biển số 59Z1-270.17 và một xe ô tô bán tải (không xác định biển số) chạy đến. Để tránh bị phát hiện, T5 kêu T6 mang 02 xô chứa sơn và chất bẩn cất giấu trên xe bán tải để cất giấu. T4 điều khiển xe gắn máy chạy phía trước, T5 điều khiển xe chở T6 chạy sau, xe ô tô chạy sau xe của T5. Khi đến trước hẻm S P, Phường A, quận T, xe ô tô dừng lại để T6 lấy 02 xô nhựa, còn T4 chạy vào bên trong dừng đỗ xe tại trước số H P chờ. T5 chở T6 cùng 02 xô nhựa đến chỗ T4 thì dừng xe, cả hai mỗi người cầm theo 01 xô nhựa đi đến tạt vào cửa cuốn và bảng hiệu phía trước cửa nhà bà L1 rồi T5 quay lại chỗ T4 lấy xe điều khiển chở T6 bỏ chạy. T4 đứng gần quan sát và nhìn thấy T5 và T6 tạt chất bẩn, sau khi cả hai điều khiển xe bỏ chạy, T4 điều khiển xe chạy theo phía sau.

Vào khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, bà L1 nghe tiếng động nên mở cửa kiểm tra thì phát hiện cửa cuốn bị tạt sơn đỏ và mắm tôm lên bề mặt ngoài của cửa, kiểm tra camera phát hiện vào thời điểm trên có một nam thanh niên mang theo 02 xô chứa chất lỏng tạt vào cửa nhà, vứt lại 02 xô rồi chạy ra hướng đường P. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, bà L1 đến Công an P, quận T trình báo vụ việc.

Quá trình xác minh, ngày 12/7/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T mời Phạm Hồng T4 và Vũ Đức T5 về làm việc. Cả hai đã khai nhận hành vi dùng chất bẩn tạt vào nhà bà L1 để uy hiếp tinh thần buộc bà L1 trả nợ cho T4 như trên, phù hợp với dữ liệu camera thu được, các vật chứng thu giữ, lời khai người bị hại, người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra, kết quả xác định địa điểm.

Tài sản bị thiệt hại: Kết luận định giá tài sản số 140/KL-HĐĐGTS ngày 29/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận T kết luận:

- Chi phí khắc phục sửa chữa đối với cửa cuốn là: 5.067.000 đồng;
- Chi phí khắc phục sửa chữa bảng hiệu là: 2.217.000 đồng

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 7.284.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 USB chứa dữ liệu camera ghi lại diễn biến hành vi của các bị cáo.
- 01 xe máy hiệu Honda SH màu đỏ, biển số 59Z1-270.17, số khung: RLHKF1431FY031088, số máy: KF14E-0131169 do T4 điều khiển.
- 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade màu xanh đen, biển số 18B2-739.71, số khung RLHJF6324HZ055979, số máy JF63E2066934 do T5 điều khiển.
- 01 điện thoại Samsung Galaxy A12, số IMEI 351162964849114 là điện

thoại của Vũ Đức T5, T5 sử dụng để liên lạc với T4 liên quan việc đòi nợ.

- 01 điện thoại Iphone Pro Max là điện thoại của cá nhân Vũ Đức T5.

- 01 điện thoại Iphone 14 Pro Max là điện thoại của Phạm Hồng T4, T4 sử dụng để liên lạc với T5 liên quan việc đòi nợ.

- 01 áo khoác màu vàng có viền sọc ngang màu xanh; 01 đôi dép kẹp màu đen, trên dép có in nhãn hiệu Bitis; 01 mũ bảo hiểm màu vàng bên ngoài có in chữ BE màu xanh là bộ trang phục Vũ Đức T5 sử dụng khi thực hiện hành vi.

- 01 đôi dép màu trắng, quai dép màu đỏ đen có in dòng chữ unltd; 01 áo thun trắng có in dòng chữ CALVIN KLEIN JEANS; 01 quần đùi màu đen có in chữ adidas; 01 nón bảo hiểm màu xanh có chữ PIAGGIO, đã qua sử dụng là bộ trang phục Phạm Hồng T4 sử dụng khi thực hiện hành vi.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, bà Phạm Thị L1 đã nhận bồi thường từ gia đình bị cáo T4 với số tiền là 7.500.000 đồng, T4 xóa bỏ số tiền 44.000.000 đồng mà bà L1 còn nợ T4 nên bà L1 không yêu cầu bồi thường dân sự và có đơn bãi nại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Hồng T4.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS-TB ngày 12 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị các bị cáo Phạm Hồng T4 và Vũ Đức T5 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời, nêu các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt:

Đối với bị cáo Phạm Hồng T4 xử phạt từ 01 năm đến 02 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và phạt bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Đối với bị cáo Vũ Đức T5 xử phạt từ 01 năm đến 02 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và phạt bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Về vật chứng, đề nghị xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

Sau phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận, bào chữa bổ sung mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Phạm Hồng T4 và Vũ Đức T5, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với Bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận như sau: Hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát từ một phần lỗi của người bị hại. Cụ thể, bà Phạm Thị L1 vay tiền của bị cáo T4 nhưng không trả. Bị cáo T4 đã nhiều lần yêu cầu bà L1 trả nợ nhưng bà L1 vẫn cố tình trốn tránh, không gặp mặt, không trả nợ. Bị cáo T5 do được bị cáo T4 giúp đỡ trong cuộc sống và muốn trả ơn cho bị cáo T4 nên khi bị cáo T4 yêu cầu cùng đi đòi nợ bà L1, bị cáo T5 đã đồng ý. Với mong muốn đòi được số tiền cho bà L1 vay nên Phạm Hồng T4 đã cùng Vũ Đức T5 đến nhà bà L1 vào rạng sáng ngày 8/7/2023 để đòi nợ. Bị cáo T4 không phải là người chủ động đưa ra phương thức tạt sơn và chất bẩn đe dọa gây áp lực đối với bà L1 nhưng khi bị cáo T5 thực hiện hành vi tạt sơn và chất bẩn, bị cáo T4 biết nhưng không ngăn cản để mặt bị cáo T5 thực hiện nhằm gây áp lực làm cho bà L1 sợ và buộc bà L1 phải trả số tiền 44.000.000 đồng cho bị cáo T4 là trái với ý muốn của bà L1.

Hành vi của bị cáo T4 và T5 là hành vi trái pháp luật trong giao dịch dân sự và thu hồi nợ. Đồng thời, hành vi tạt sơn và chất bẩn của bị cáo T4 và bị cáo T5 vào cửa cuốn nhà bà L1 làm hư hỏng tài sản và phải sửa chữa, khắc phục với số tiền là 7.284.000 đồng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 170 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với hành vi cho vay của bị cáo T4: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của bị cáo T4 và bà L1 thì Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T4 cho bà Nguyễn Thị L1 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp số tiền 2.000.000 đồng, phí cho vay là 5.000.000 đồng. Vì vậy, sau 30 ngày bà L1 góp đủ thì bị cáo T4 thu lợi bất

chính được số tiền 15.000.000 đồng, chưa đủ định lượng theo quy định pháp luật nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an quận T không khởi tố bị cáo T4 về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với đối tượng tên “Tèo” là bạn của bị cáo T5 đi cùng tạt sơn, chất bẩn vào nhà của bà L1, cả hai quen biết và gặp nhau khu vực ngã tư A, T5 không biết nhân thân, lai lịch cũng như nơi ở của “Tèo” nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T không có cơ sở truy tìm và khởi tố với vai trò đồng phạm trong vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Phạm Hồng T4: Xét nhân thân của bị cáo xấu, mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo chưa cao, cần có mức hình phạt nghiêm để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt; bị cáo là lao động chính trong gia đình; mẹ ruột bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng 3 “Đã có công trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước”, ông nội bị cáo là liệt sĩ... để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Vũ Đức T5: Xét nhân thân của bị cáo xấu, mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo thấp, cần có mức hình phạt nghiêm để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T5 đang bị bệnh HIV giai đoạn 2, tình trạng sức khỏe không tốt để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” các bị cáo phạm tội có khung hình phạt ít nghiêm trọng, giá trị tài sản bị hư hỏng không lớn, đã tự nguyện bồi thường khắc phục thiệt hại, gia đình của các bị cáo có công việc và thu nhập ổn định, có tài sản để thi hành. Do đó, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền cũng đủ có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, bà Nguyễn Thị L1 đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại từ gia đình bị cáo T4 và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy A12, số IMEI: 351162964849114, là điện thoại của bị cáo T5, T5 sử dụng liên lạc với bị cáo T4 liên quan việc đòi nợ nên Hội đồng xét xử tịch nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại Iphone Pro Max của bị cáo T5 là tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo T5.

- Đối với 01 điện thoại Iphone 14 Pro Max, là điện thoại của bị cáo T4, không liên quan đến việc đòi nợ nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo T4.

- Đối với nón bảo hiểm, quần áo, dép của bị cáo T4 và T5 mặc khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có yêu cầu được nhận lại nên Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 đĩa DVD chứa dữ liệu lời khai có ghi âm, ghi hình của các bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 USB chứa dữ liệu hình ảnh các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 xe máy hiệu Honda SH màu đỏ biển số 59Z1-270.17, số khung: RLHKF1431FY031088, số máy: KF14E-0131169 do bị cáo T4 điều khiển. Qua xác minh, bà Nguyễn Thị Kim D đã mua lại chiếc xe trên nhưng chưa làm thủ tục sang tên, bà D trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe nêu trên nên bà D là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe. Bà D không biết bị cáo T4 sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội và yêu cầu được nhận lại nên Hội đồng xét xử trả lại xe Honda SH màu đỏ biển số 59Z1-270.17 cho bà Nguyễn Thị Kim D là phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade màu xanh đen, biển số 18B2-739.71, số khung RLHJF6324HZ055979, số máy JF63E2066934 do bị cáo T5 điều khiển. Qua xác minh, xe máy trên do Vũ Đức D1 (con của bị cáo T5) đứng tên chủ sở hữu. D1 không biết bị cáo T5 sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội và yêu cầu được nhận lại nên Hội đồng xét xử trả lại xe hiệu Honda Airblade màu xanh đen, biển số 18B2-739.71 cho Vũ Đức D1 là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35; Điều 38; Điều 47; khoản 2 Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Hồng T4;

Căn cứ Điều 35; Điều 38; Điều 47; khoản 2 Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Vũ Đức T5;

Căn cứ Điều 106, Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1] Tuyên bố các bị cáo Phạm Hồng T4 và Vũ Đức T5 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt bị cáo: Phạm Hồng T4 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2023.

Xử phạt bị cáo: Phạm Hồng T4 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt bị cáo: Vũ Đức T5 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2023.

Xử phạt bị cáo: Vũ Đức T5 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

[2] Về vật chứng:

- Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Samsung Galaxy A12, số IMEI: 351162964849114 đã qua sử dụng của bị cáo Vũ Đức T5.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) áo khoác màu vàng có viền sọc ngang màu xanh, 01 (một) đôi dép kẹp màu đen, trên dép có in nhãn hiệu Bitis; 01 (một) nón bảo hiểm màu vàng bên trên có in chữ “BE” màu xanh của bị cáo Vũ Đức T5.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) đôi dép màu trắng, quai dép màu đỏ đen có in dòng chữ untld; 01 (một) áo thun màu trắng có in dòng chữ Calvin Jeans; 01 (một) quần đùi màu đen có in chữ Adidas; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh có in chữ Piaggio của bị cáo Phạm Hồng T4.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Hồng T4 01 điện thoại di động Iphone Pro Max màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Đức T5 01 điện thoại di động Iphone Pro Max màu gold.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim D 01 xe máy hiệu Honda SH màu đỏ biển số 59Z1-270.17, số khung: RLHKF1431FY031088, số máy: KF14E-0131169.

- Trả lại cho ông Vũ Đức D1 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade màu xanh đen, biển số 18B2-739.71, số khung RLHJF6324HZ055979, số máy JF63E2066934

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 50/BB/2024 ngày 02/02/2024 giữa Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về trật tự xã hội và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình)

- Lưu hồ sơ vụ án 01 chiếc USB ghi nhận hình ảnh thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo ngày 8/7/2023 cùng đĩa DVD ghi âm, ghi hình việc lấy lời khai của các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Không có

[4] Về án phí: Bị cáo Phạm Hồng T4, Vũ Đức T5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Quỳnh Hoa – Huỳnh Hồng Hải

Trần Thị Hồng Út

Nơi nhận:

- Bị cáo, NQLNVLQ;
- Đại diện hợp pháp bị cáo;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trần Thị Hồng Út**

